

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

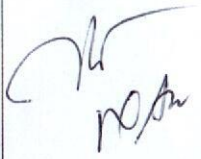
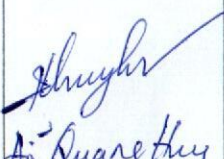
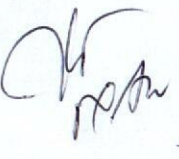
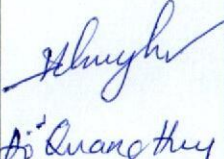
Môn học: **Thực tập đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228280) - Nhóm 04**

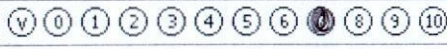
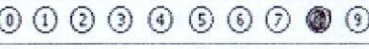
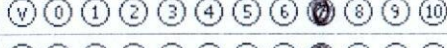
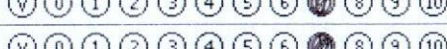
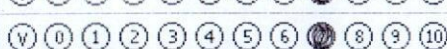
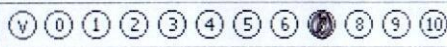
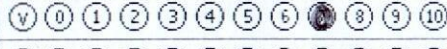
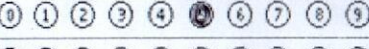
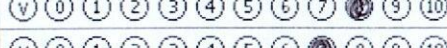
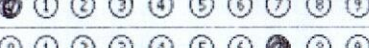
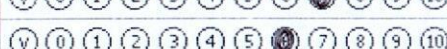
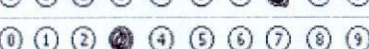
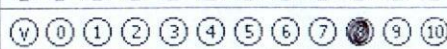
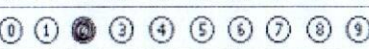
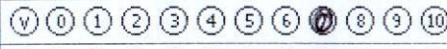
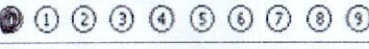
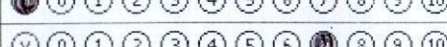
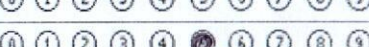
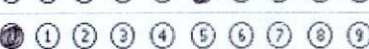
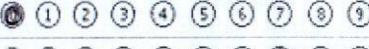
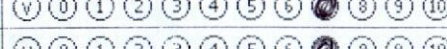
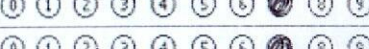
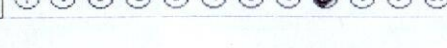
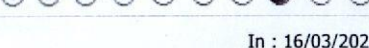
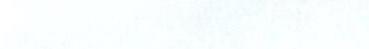
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	 Đỗ Quang Thụy		 Đỗ Quang Thụy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C						7.8		
2	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C						7.5		
3	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C						7.5		
4	2120170042	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	12/07/2001	CCQ2018C						7.5		
5	2120180079	HUỲNH HỮU CƯỜNG	24/07/2002	CCQ2018C						7.5		
6	2120180078	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	23/09/1998	CCQ2018C						7.5		
7	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C						7.5		
8	2120180080	DƯƠNG HUỲNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C						8.0		
9	2120170394	PHAN HUỲNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C						7.7		
10	2120180095	TRƯƠNG LÝ TUẤN HẢI	11/09/2001	CCQ2018C						6.3		
11	2120180081	NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2001	CCQ2018C						8.2		
12	2120180082	LÊ ĐÌNH HUY HOÀN	30/10/2001	CCQ2018C						7.0		
13	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C						7.5		
14	2118180066	TRẦN NGUYỄN TIẾN MẠNH	05/07/2000	CCQ1818B								
15	2120180092	LÊ HỒ QUANG NGHỊ	04/03/2002	CCQ2018C						7.5		
16	2120180091	NGUYỄN THẾ NGHĨA	20/05/1999	CCQ2018C						7.0		
17	2120180093	NGUYỄN TRẦN TRỌNG NGUYỄN	13/08/2002	CCQ2018C						7.7		
18	2120170211	NGUYỄN VĂN TRỊ	02/10/2001	CCQ2018C						8.0		
19	2120060054	ĐỖ HOÀNG ĐÌNH VŨ	14/12/2000	CCQ2018C						7.7		
20	2120180087	LÊ THANH VŨ	24/12/2002	CCQ2018C						7.7		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

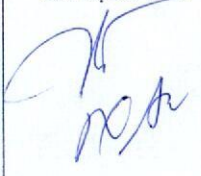
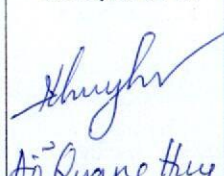
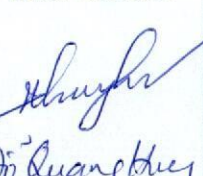
Môn học: **Thực tập đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228280) - Nhóm 03**

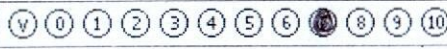
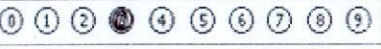
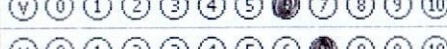
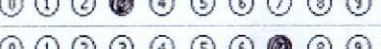
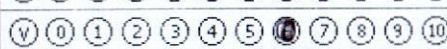
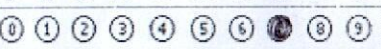
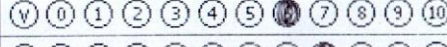
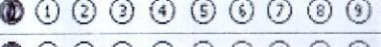
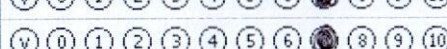
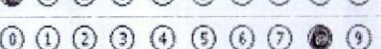
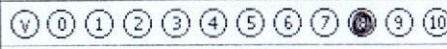
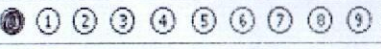
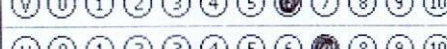
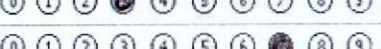
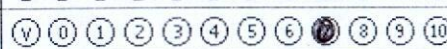
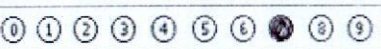
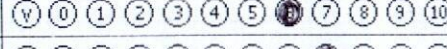
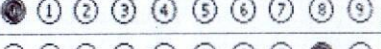
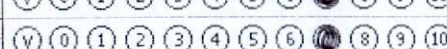
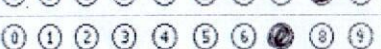
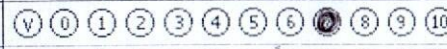
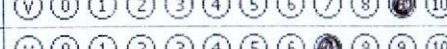
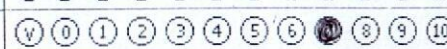
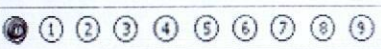
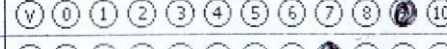
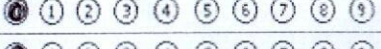
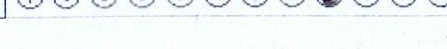
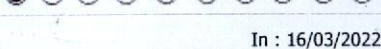
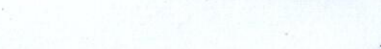
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	 Đỗ Quang Huy		 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B						7.3		
2	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B						6.3		
3	2120180038	ĐÌNH NHẬT TRƯỜNG DUY	15/05/2002	CCQ2018B						7.7		
4	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B						6.7		
5	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B						6.0		
6	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B						7.0		
7	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B						7.8		
8	2120180048	ĐÌNH VĂN HUY	12/10/2002	CCQ2018B						8.0		
9	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B						6.3		
10	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B						7.7		
11	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B						7.7		
12	2120180055	DÀ KRIÊNG HA NGÚY	02/02/2002	CCQ2018B						6.0		
13	2120180057	ĐÌNH THIÊN THIÊN NHÂN	24/01/2002	CCQ2018B						7.8		
14	2120180056	PHẠM ĐÌNH NHÂN	04/07/2002	CCQ2018B						7.7		
15	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B						7.8		
16	2120180061	NGUYỄN THẾ SƠN	11/11/1999	CCQ2018B						9.0		
17	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B						7.0		
18	2120180063	HUỖNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B						7.0		
19	2120180064	HỒ HUY THỌ	20/11/2002	CCQ2018B						9.0		
20	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B						7.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

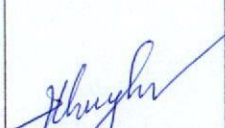
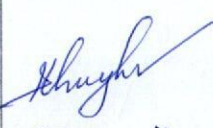
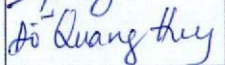
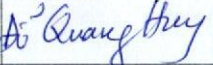
Môn học: **Thực tập đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228280) - Nhóm 03**

CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180067	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/02/1998	CCQ2018B						7.3	☒ (V) ☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☐ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☒ (7) ☐ (8) ☐ (9) ☐ (10)	☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☒ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☐ (7) ☐ (8) ☐ (9)
22	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B							☒ (V) ☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☐ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☐ (7) ☐ (8) ☐ (9) ☐ (10)	☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☐ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☐ (7) ☐ (8) ☐ (9)
23	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B						7.7	☐ (V) ☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☐ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☒ (7) ☐ (8) ☐ (9) ☐ (10)	☐ (0) ☐ (1) ☐ (2) ☐ (3) ☐ (4) ☐ (5) ☐ (6) ☒ (7) ☐ (8) ☐ (9)